**KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TOÁN – LỚP 4 – TUẦN 1**

**BÀI 1: ÔN TẬP VỀ SỐ VÀ PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100 000**

**(Tiết 1 – 2)**

Thời gian thực hiện: ………...............................

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Ôn tập, củng cố một số kiến thức về số và phép tính đã học ở lớp 3 như: đọc, viết, so sánh, xếp thứ tự, làm tròn (đến hàng chục nghìn) các số trong phạm vi 100 000; ôn tập về các phép tính cộng, trừ và nhân, chia (với các số có 1 chữ số) trong phạm vi 100 000 (bao gồm cả tính nhẩm và tính viết).

- Vận dụng được các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SHD, SGV, hình minh họa bài, bảng phụ.

- HS: SHD, vở 2.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **TIẾT 1****A. Hoạt động khởi động** |
| - GV giới thiệu bộ đồ dùng học toán 4.- Hướng dẫn HS các hoạt động cá nhân, nhóm, cách phát biểu,…- Giới thiệu bài. | - Làm quen với bộ đồ dùng học toán 4. - Thực hành cách làm việc:Cá nhân – Nhóm – Trình bày trước lớp  |
| **C. Hoạt động thực hành, luyện tập** |
| **Bài 1:** - Gọi HS đọc yêu cầu.- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh? Ai đúng?”- Nhận xét- Qua trò chơi, các em được ôn tập nội dung gì?- GV chốt, chuyển sang BT2.**Bài 2:**- Gọi HS nêu yêu cầu.- YCHS làm bài cá nhân vào vở - nhóm 2 – chia sẻ trước lớp.- GV quan sát, gợi ý HS chia sẻ về cách làm ở mỗi câu.- GV chữa bài, hỏi cách làm và lưu ý hệ thống cho HS cách so sánh số bằng cách cho HS điền khuyết. Nhận xét, chốt, chuyển ý sang bài 3.**Bài 3:** - Gọi HS nêu YC- YCHS làm bài cá nhân vào bảng con lần lượt từng câu – chia sẻ trước lớp- Nhận xét chữa bài.+ Qua bài 3, các em được ôn tập nội dung gì?+ Khi thực hiện đặt tính cộng, trừ ta cần lưu ý gì?- GV chốt, chuyển sang bài 4.**Bài 4:**- Gọi HS đọc bài toán.- Mời 2HS phân tích bài toán.+ Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?- HS tìm cách giải và trình bày vào bảng nhóm.Cá nhân - nhóm 4 làm bảng nhóm – chia sẻ trước lớp.- GV nhận xét, chữa bài.**\*Củng cố, dặn dò**- NX tiết học.- Dặn dò HS chuẩn bị bài Ôn tập về số và phép tính trong phạm vi 100 000 (tiết 2). | - CN : 2 HS đọc đề, cả lớp đọc thầm.- Suy nghĩ làm cá nhân.- Nhóm 2 nói cho nhau nghe, thực hiện bài tập.- 1HS điều khiển lớp tham gia trò chơi- Được ôn cách cộng, trừ, nhân chia các số trong phạm vi 100 000.- Nêu YC bài- Cá nhân: HS làm bài vào vở.- Nhóm 2: đổi chéo vở chữa bài.- Chia sẻ: 1HS điều khiển lớp chia sẻ.a) Xác định quy luật dãy số và tìm số cần điền.Các số cần điền là: 26 450; 26 850.b) Xác định giá trị số ở từng hàng.Số 26 358:- Làm tròn đến hàng chục: 26 360- Làm tròn đến hàng trăm: 26 400- Làm tròn đến hàng nghìn: 25 000- Làm tròn đến hàng chục nghìn: 30 000c) Các số theo thứ tự từ bé đến lớn là:20 990; 29 909; 29 999; 90 000.- HS làm việc cá nhân, xung phong TL.+ Trên tia số: Số bên trái *bé hơn* số bên phải.+ Số có ít chữ số hơn thì *bé hơn*.+ Hai số có số chữ số bằng nhau: So sánh các cặp chữ số cùng hàng theo thứ tự từ *trái sang phải*.- Nêu YC bài- CN: HS làm bài vào bảng con.- Chia sẻ: trình bày bài trước lớp và nêu cách làm.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| + | 27 369 | - | 90 714 |
| 34 425 | 61 533 |
|  | 61 794 |  | 29 181 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | 15 273 | 36 472 | 4 |
|  3 |  04 | 9118 |
|  | 45 819 |  07 32 0 |  |

+ Được ôn tập cách cộng, trừ, nhân chia các số trong phạm vi 100 000.+ Các số trong hàng phải thẳng nhau.- CN: 1HS đọc bài, HS còn lại đọc thầm.- Cá nhân HS xung phong trả lời.+ Bài toán cho biết : số điểm cao nhất trong trò chơi tung bóng vào lưới là 25 928 điểm,...+ Bài toán hỏi : Kiên đang có bao nhiêu điểm?- Cá nhân: Tìm cách giải,- Nhóm 4: Thống nhất cách giải và trình bày vào bảng nhóm.- Chia sẻ: Trình bày cách làm và bảng nhóm đã thống nhất.Bài giảiSố điểm Kiên đang có là :25 928 – 2 718 = 23 210 (điểm) Đáp số : 23 210 điểm- HS lắng nghe. |
| **TIẾT 2****A. Hoạt động khởi động** |
| - Tổ chức trò chơi « Mảnh ghép »- Cách chơi : HS tìm các mảnh ghép có giá trị giống nhau.Cá nhân – nhóm 2 – chia sẻ trước lớp- GVNX, giới thiệu bài. | - HS nghe phổ biến cách chơi.- Cá nhân: quan sát, nhẩm các mảnh ghép- Nhóm 2: Chọn và nói cho nhau nghe kết quả phù hợp.- Chia sẻ: 1HS điều khiển lớp nêu đáp án đúng.+ 10 + 0 = 0 + 10+ (100 + 200) + 50 = 100 + (200 + 50)+ 35 – 20 : 4 = 35 – 5+ 3 x 30 + 10 = 90 + 10 |
| **C. Hoạt động luyện tập, thực hành** |
| **Bài 5:** - Gọi HS nêu YC- YCHS làm bài vào vở - đổi chéo theo nhóm 2 – chia sẻ trước lớp.+ Phần a nêu miệng+ Phân b: 3 HS làm bảng- Nhận xét.+ Qua bài 5, các em được ôn tập nội dung gì?- GV chốt, lưu ý cách tính giá trị biểu thức khi có dấu ngoặc.**Bài 6:**- Gọi HS nêu YC- HS làm việc cá nhân – chia sẻ trước lớp qua trò chơi « Tiếp sức »- Cách chơi : Mỗi HS nêu 1 số La Mã tiếp theo và gọi tên bạn bất kì nối tiếp. - Gợi ý cách làm cho HS: đếm theo thứ tự các số tiếp theo rồi tìm các số La Mã tương ứng.- Nhận xét chữa bài.+ Qua bài 6, các em được ôn tập nội dung gì?- GV chốt, chuyển ý sang BT7. |  Nêu YC bài- Cá nhân: HS làm bài vào vở.- Nhóm 2: đổi chéo vở chữa bài - Chia sẻ: nêu cách làm và trình bày kết quả.a) Biểu thức cùng giá trị là:(450 + 38) + 105 = 450 + (38 +105)989 + 0 = 0 + 989 405 + 165 = 165 + 405231 + (153 + 924) = (231 + 153) + 924b) Giá trị của mỗi biểu thức là :32  (15 – 6) = 32  11 = 352 244 – 124 : 4 = 244 – 31 = 213180 : (3  2) = 180 : 6 = 30+ Phần a ôn tập tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng.+ Phần b ôn tập tính giá trị biểu thức.- Nêu YC bài.- Cá nhân : tìm cách làm và thực hiện bài tập vào vở.- Chia sẻ : tham gia trò chơi Tiếp sức bằng cách viết nhanh trên bảng phụ GV chuẩn bị sẵn treo trên bảng - Các số còn thiếu là : VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII, XIV, XV, XVI, XVII, XVIII, XIX, XX.- Nhận xét, chữa bài cho bạn.+ Ôn tập cách đọc và viết các chữ số La Mã. |
| **D. Hoạt động vận dụng** |
| **Bài 7:**- Gọi HS đọc bài toán.- Mời 2HS phân tích bài toán.+ Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?- HS tìm cách giải và trình bày vào bảng nhóm.Cá nhân - nhóm 4 làm bảng nhóm – chia sẻ trước lớp.+ Muốn biết chiếc bánh loại nào giá bán cao nhất, loại nào giá bán thấp nhất ta làm thế nào ?- Nhận xét, chữa bài.+ Qua bài 7, đã ứng dụng các phép tính vào việc gì trong đời sống?+ Em hãy nêu thêm những ví dụ trong cuộc sống có sử dụng các phép tính ?**\*Củng cố - dặn dò**+ Qua bài học hôm nay em biết thêm được điều gì ?+ Để có thể làm tốt các bài tập trên, em nhắn bạn điều gì ?- YCHS đọc và chuẩn bị trước Bài 2 – Ôn tập về hình học và đo lường | - 2HS đọc bài, HS còn lại đọc thầm.- Cá nhân HS xung phong trả lời.+ Bài toán cho biết : Hiền, Hải và Đức mua các loại bánh ngọt,…+ Bài toán hỏi : Theo em, trong các loại bánh trên, chiếc bánh loại nào có giá bán cao nhất, chiếc bánh loại nào có giá bán thấp nhất?- Cá nhân: Tìm cách giải,- Nhóm 4: Thống nhất cách giải và trình bày vào bảng nhóm.- Chia sẻ: Trình bày cách làm và bảng nhóm đã thống nhất.- Ta cần tính giá tiền một hộp bánh và một chiếc bánh mỗi loại rồi so sánh với nhau.- HS làm bài và trình bày bài giải.Bài giảiGiá tiền của một chiếc bánh vị cam là : 39 000 : 3 = 13 000 (đồng)Giá tiền của một chiếc bánh vị dâu là : 50 000 : 2 = 25 000 (đồng)Giá tiền của một chiếc bánh vị sô-cô-la là : 48 000 : 4 = 12 000 (đồng)Vậy chiếc bánh vị dâu có giá bán cao nhất là 25 000 đồng, chiếc bánh vị sô-cô-la có giá bán thấp nhất là 12 000 đồng .+ Ứng dụng để mua bánh, tính xem bánh nào có giá bánh cao nhất, bánh nào có giá bán thấp nhất.+ Đi siêu thị, đi nhà sách, đi mua quần áo,…+ Có thể ứng dụng các phép tính vào cuộc sống.+ …… |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

................................................................................................................................

..............................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TOÁN – LỚP 4 – TUẦN 1**

**Bài 3. ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (Tiết 3 – 4)**

Thời gian thực hiện: từ ……………………………..

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Ôn tập tổng hợp các kiến thức về hình học và đo lường đã học từ lớp 3.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Hìnhminh họa bài, thước thẳng, ê ke, mô hình nhiệt kế.

- HS: SHD, vở 2.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **TIẾT 1****A. Hoạt động khởi động** |
| - Tổ chức trò chơi “Ai nhanh? Ai đúng?”- Cách chơi: Cá nhân HS dơ bảng viết đáp án đúng (A, B, C, D) ở mỗi câu hỏi trong thời gian 5s.- GV nhận xét, giới thiệu bài mới. | - HS nghe phổ biến cách chơi.- Cá nhân: quan sát, lựa chọn đáp án đúng viết vào bảng.- Chia sẻ: 1HS điều khiển lớp nêu đáp án đúng.+ Hình này là hình gì? – Hình tứ giác+ Km là đơn vị đo ……. – độ dài+ Để kiểm tra góc vuông ta sử dụng…..– êke+ Khối này có 6 mặt hình vuông. Đây là khối gì? – Khối lập phương |
| **C. Hoạt động thực hành, luyện tập** |
| **Bài 1**- Gọi HS nêu YC.- Tổ chức trò chơi “Đố bạn” theo nhóm 4. - NX khen ngợi HS, chuyển ý sang hoạt động sau.**Bài 2** - Gọi HS nêu YC.- Gợi nhắc HS về các đối tượng hình học: điểm, đoạn thẳng, đường thẳng, góc vuông, góc không vuông.- Yêu cầu HS thực hiện bài tập theo nhóm 2.- GV nhận xét, chốt đáp án đúng, chuyển sang hoạt động sau.**Bài 3**- Gọi HS nêu YC- Mời 2HS phân tích bài toán.+ Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?- HS tìm cách giải và trình bày vào bảng nhóm.Cá nhân - nhóm 4 làm bảng nhóm – chia sẻ trước lớp.+ Muốn biết cần bao nhiêu màu để sơn các mặt của từng hình khối ta làm thế nào?- Gợi nhắc HS về Hình khối đã học: khối lập phương, khối hộp chữ nhật- GV và HS nhận xét, chữa bài.**\*Củng cố - nhận xét** + Qua bài học, các em được ôn tập nội dung gì?- YCHS đọc và chuẩn bị trước Bài 2 – Ôn tập về hình học và đo lường (tiết 2) | - 1HS đọc YC, HS còn lại đọc thầm- Cá nhân: nhớ lại và tìm câu trả lời.- Nhóm 4: Thực hiện trò chơi, lần lượt mỗi HS đố bạn trong nhóm, chia sẻ và sửa chữa nếu bạn TL sai.- Chia sẻ: 1HS điều khiển lớp chơi trò chơi trước lớp. + Kể tên các hình đã học.Hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác, hình tứ giác, hình tròn.+ Nêu cách tính chu vi hình tam giác, hình tứ giác, hình vuông, hình chữ nhật.CV Hình tam giác: tổng độ dài các cạnh. CV Hình tứ giác: tổng độ dài các cạnh. CV Hình vuông: độ dài một cạnh nhân với 4. CV Hình chữ nhật: chiều dài, cộng chiều rộng rồi nhân với 2.+ Nêu cách tính diện tích hình vuông, hình chữ nhật.DT Hình vuông: Độ dài 1 cạnh nhân với chính nó. DT Hình chữ nhật: chiều dài nhân chiều rộng.+ Kể tên các đơn vị đo độ dài, khối lượng, dung tích, diện tích đã học.Đơn vị đo độ dài: km, m, dm, cm, mmĐơn vị đo khối lượng: g, kgĐơn vị đo dung tích: ml, lĐơn vị đo diện tích: cm2- 1HS đọc YC, HS còn lại đọc thầm.- Cá nhân HS xung phong nhắc lại.- Cá nhân: thực hiện bài toán Phần a: Làm miệng.Phân b: Làm vào vở.- Nhóm 2: Đổi chéo vở kiểm tra, sửa chữa thống nhất cách làm.- Chia sẻ: 1HS điều khiển lớp chia sẻ kết quả bài tập.+ Phần a:Góc vuông đỉnh N, cạnh NM, NO.Góc vuông đỉnh I, cạnh IH, IK.Góc vuông đỉnh B, cạnh BA, BC.+ Phần b:CV hình chữ nhật ABCD là: DT hình chữ nhật ABCD là:CV hình vuông GHIK là:DT hình vuông GHIK là:- 1HS nêu YC bài, HS còn lại đọc thầm- Cá nhân HS xung phong trả lời.+ Bài toán cho biết : Sơn mỗi mặt của từng khối hình bên bằng một màu khác nhau.+ Bài toán hỏi : Theo em, cần bao nhiêu màu để sơn hết các mặt của từng khối hình đó ?- Cá nhân: Tìm cách giải.- Nhóm 4: Thống nhất cách giải và trình bày vào bảng nhóm.- Chia sẻ: Trình bày cách làm và bảng nhóm đã thống nhất.- Ta quan sát nhận dạng khối hình, từ đó dựa vào đặc điểm khối hình tìm số màu tương ứng.- Cá nhân HS xung phong nhắc lại.+ Khối lập phương: 6 mặt đều là hình vuông, 8 đỉnh, 12 cạnh. + Khối hộp chữ nhật: 6 mặt đều là hình chữ nhật, 8 đỉnh, 12 cạnh. + Ôn tập về các hình đã học. Chu vi hình tam giác, hình tứ giác, hình vuông, hình chữ nhật. Diện tích hình vuông, hình chữ nhật. Góc vuông, góc không vuông. Khối lập phương, khối hộp chữ nhật. |
| **TIẾT 2****A. Hoạt động khởi động** |
| - Tổ chức trò chơi “Truyền hoa”- Cách chơi: Cả lớp cùng hát một bài theo nhạc và cùng chuyền hoa đi, khi bài hát dừng lại HS đang cầm hoa sẽ trả lời một câu hỏi.- GV nhận xét, giới thiệu bài mới. | - HS nghe phổ biến cách chơi.- Cả lớp cùng tham gia trò chơi.+ Để đo nhiệt độ người ta thường dung gì? – nhiệt kế+ Một con gà nặng khoảng bao nhiêu ki-lô-gam? – 3-4kg+ Kể tên đơn vị đo dung tích em đã học. – lít, mi-li-lít |
| **C. Hoạt động thực hành, luyện tập** |
| **Bài 4**- Gọi HS nêu YC+ Đơn vị đo nhiệt độ là gì?- YCHS thực hiện bài tập cá nhân trong 1 phút.- GV nhận xét, chuyển sang hoạt động sau.**Bài 5**- Gọi HS nêu YC.- Gọi 2HS phân tích bài toán.+ Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?- Yêu cầu HS thực hiện bài tập theo nhóm 2, ghi phép tính vào vở. + Muốn tìm thẻ thích hợp với mỗi hình vẽ, em làm như thế nào?- GV nhận xét, chốt đáp án đúng.+ Qua bài tập 5, các em ôn tập nội dung gì?- GV chuyển ý sang hoạt động sau.**Bài 6**- Gọi HS nêu YC- Gọi 2HS phân tích bài toán.+ Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?- Yêu cầu HS thực hiện bài tập vào vở theo nhóm 2. + Muốn biết mỗi bể chứa bao nhiêu lít nước thải ta làm thế nào?- GV và HS nhận xét, chữa bài. | - 1HS nêu YC bài, HS còn lại đọc thầm- Cá nhân HS xung phong trả lời.+ Đơn vị đo nhiệt độ là độ C.- Cá nhân: đọc nhiệt độ ghi trên mỗi nhiệt kế.- Chia sẻ: 1HS điều khiển cả lớp cùng trả lời miệng, sửa chữa (nếu có).+ A-10ºC, B-25ºC, C-40ºC, D-22ºC- 1HS đọc YC, HS còn lại đọc thầm.- Cá nhân HS xung phong trả lời.+ Bài toán cho biết các khối lượng của các nhóm đồ vật và các thẻ ghi cân nặng+ Bài toán hỏi: Chọn thẻ ghi cân nặng thích hợp với mỗi hình vẽ sau.- Cá nhân: Tìm cách giải và ghi phép tính vào vở.- Nhóm 2: Đổi chéo vở kiểm tra và thống nhất cách giải.- Chia sẻ: Nêu kết quả của nhóm, góp ý, chia sẻ (nếu có).+ Tính số kg ở mỗi hình vẽ, sau đó chọn thẻ thích hợp. Hoa quả sấy = 500g x 2 + 4kg = 1000g + 4 kg = 1kg + 4kg = 5kgLạc rang = 250g x 8 = 2000g = 2kgHạt điều rang = 450g x 2 +100g = 900g + 100g = 1000g = 1kg+ Ôn tập về đơn vị đo và cách đổi đơn vị đo khối lượng: kg, g.- 2HS đọc YC, HS còn lại đọc thầm.- Cá nhân HS xung phong trả lời.+ Bài toán cho biết hệ thóng xử lí nước thải trong một cơ sở sản xuất mỗi ngày xử lí 36 000l nước thải được chứa trong 4 chiếc bể như nhau.+ Bài toán hỏi: Mỗi bể chứa được số lít nước thải là bao nhiêu?- Cá nhân: Tìm cách giải và ghi vào vở.- Nhóm 2: Đổi chéo vở kiểm tra và thống nhất cách giải.- Chia sẻ: Nêu kết quả của nhóm, góp ý, chia sẻ (nếu có).Mỗi bể chứa được số lít nước thải là:36 000 : 4 = 9000 (l)Chọn đáp án C. 9000l |
| **D. Hoạt động vận dụng** |
| **Bài 7**- Gọi HS nêu YC.- Mời 2HS phân tích bài toán.+ Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?- HS tìm cách giải và trình bày vào bảng nhóm.Cá nhân - nhóm 4 làm bảng nhóm – chia sẻ trước lớp.+ Muốn biết gian hàng nào có diện tích lớn nhất ta làm thế nào ?- Nhận xét, chữa bài.+ Qua bài 7, đã ứng dụng diện tích vào việc gì trong đời sống?+ Em hãy nêu thêm những ví dụ trong cuộc sống có ứng dụng diện tích?**\* Củng cố - nhận xét** + Qua bài học hôm nay em biết thêm được điều gì ?- GV nhận xét tiết học.- YCHS đọc và chuẩn bị trước Bài 3. Ôn tập về một số yếu tố thống kê và xác suất. | - 2HS đọc bài, HS còn lại đọc thầm.- Cá nhân HS xung phong trả lời.+ Bài toán cho biết : Sơ đồ các gian hàng của một Hội chợ về sản phẩm thủ công mĩ nghệ.+ Bài toán hỏi : Cho biết gian hàng nào có diện tích lớn nhất.- Cá nhân: Tìm cách giải.- Nhóm 4: Thống nhất cách giải và trình bày vào bảng nhóm.- Chia sẻ: Trình bày cách làm và bảng nhóm đã thống nhất.- Ta cần tính diện tích mỗi gian hàng (bằng cách đếm số ô vuông), sau đó so sánh các số vừa tìm được.Gốm sứ : 16 ô vuông. Sơn mài : 8 ô vuông. Điêu khắc : 12 ô vuông. Mây tre : 4 ô vuông. Đồ gỗ : 12 ô vuôngVậy gian hàng Gốm sứ có diện tích lớn nhất.+ Ứng dụng vào việc sắp xếp các gian hàng trong Hội chợ.+ Diện tích căn nhà, phân chia cách sắp xếp cây trong vườn,…+ Các ứng dụng của các đơn vị đo dung tích, khối lượng, diện tích trong đời sống.- HS lắng nghe. |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TOÁN – LỚP 4 – TUẦN 1**

**Bài 4. ÔN TẬP VỀ MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT**

**(Tiết 5)**

Thời gian thực hiện: ………………………………..

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Ôn tập một số kiến thức về thống kê và xác suất đã được học từ lớp 3 như: biểu đồ tranh, bảng thống kê số liệu, nhận biết khả năng xảy ra một sự kiện.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SHD, SGV, mô hình vòng quay, bảng nhóm.

- HS: SHD, vở 2.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A. Hoạt động Khởi động** |
| - GV nêu câu hỏi:a) Em hay kể tên các bài học nói về thống kê hoặc xác suất đã được học ở lớp 2 và lớp 3.b) Hãy kể lại một trò chơi trong đó có sử dụng các thuật ngữ “chắc chắn xảy ra”, “có thể xảy ra”, “không thể xảy ra” để mô tả các khả năng xảy ra của một hoạt động nào đó trong trò chơi.- GV liên kết, giới thiệu bài mới. | - HS lắng nghe câu hỏi, suy nghĩ và giơ tay phát biểu.Trả lờia) Các bài học nói về thống kê hoặc xác suất đã được học là: Chắc chắn – Có thể - Không thể (lớp 2); Thu thập, phân loại, ghi chép số liệu thống kê; Bảng số liệu thống kê; Khả năng xảy ra của một sự kiện (lớp 3).b) Trò chơi “**Bịt mắt bốc bi**”:+ Chuẩn bị một lọ đựng nhiều viên bi các màu: xanh, đỏ, vàng.+ Bạn bốc bi bịt mắt và được yêu cầu bốc một viên bi xanh trong lọ.+ Có thể xảy ra các trường hợp như: chắc chắn lấy được 1 viên bi xanh; có thể lấy được 1 viên bi xanh; không thể lấy được một viên bi xanh.- Lớp lắng nghe. |
| **C. Hoạt động thực hành, luyện tập** |
| **Bài 1**- Gọi HS nêu YC+ Nêu tên gọi của biểu đồ.+ Biểu đồ cho biết những thông tin gì?- Yêu cầu HS thực hiện bài tập, đổi chéo vở kiểm tra theo nhóm 2.- GV và HS nhận xét, chữa bài.+ Qua bài 1, em được ôn tập về biểu đồ gì?**Bài 2**- Gọi HS nêu YC+ Nêu tên gọi của bảng số liệu.+ Bảng số liẹu cho biết những thông tin gì?- Yêu cầu HS thực hiện bài tập, đổi chéo vở kiểm tra theo nhóm 2 (lưu ý khác nhóm ở bài 1) – Chia sẻ trước lớp qua trò chơi Đố bạn- GV và HS nhận xét, chữa bài+ Từ các thông tin đó, em rút ra nhận xét gì?- GV chốt, chuyển sang hoạt động sau**Bài 3**- Gọi HS nêu YC+ Nêu tên gọi của bảng số liệu.+ Bảng số liẹu cho biết những thông tin gì?- Yêu cầu HS thực hiện bài tập, đổi chéo vở kiểm tra theo nhóm 2.- GV nhận xét, chốt đáp án.+ Nêu nhận xét của em khi đọc thông tin bảng số liệu trên.+ Qua bài 3, các em thấy bảng số liệu ứng dụng như thế nào trong đời sống?- GV nhận xét, chuyển sang hoạt động sau. | 1HS đọc YC, HS còn lại đọc thầm.+ Tên biểu đồ: Số cây cửa hàng bán được trong ngày thứ Bảy.+ Biểu đồ cho biết: tên các loại cây, số lượng bán được của từng loại, kí hiệu cây.- Cá nhân: Thực hiện BT vào vở.- Nhóm 2: Đổi chéo vở kiểm tra và thống nhất đáp án.- Chia sẻ: Nêu kết quả của nhóm, góp ý, chia sẻ (nếu có).a) Cửa hàng bán được hoa ly, hoa hồng, hoa giấy, cây xương rồng, hoa nhài.b) Cửa hàng bán được 12 cây xương rồng.c) Cây hoa hồng bán được nhiều nhất.d) Cửa hàng bán được số cây hoa nhài gấp 2 lần số cây hoa ly (vì hoa ly bán được 8 cây, hoa nhài bán được 16 cây, lấy 16 : 8 = 2)+ Ôn tập về biểu đồ tranh.- Đọc YC bài và các số liệu.+ Tên bảng: Số học sinh lớp 4C đi xe buýt đến trường.+ Bảng số liệu cho biết: Các ngày trong tuần (từ thứ Hai đến thứ Sáu) và Số học sinh đi xe buýt ở mỗi ngày.- Cá nhân: Thực hiện BT vào vở.- Nhóm 2: Thống nhất đáp án.- Chia sẻ: Nêu kết quả của nhóm, góp ý, chia sẻ (nếu có).a) Trả lời miệng: Thứ Hai có 16 học sinh đi xe buýt đến trường.Thứ Tư có nhiều HS đi xe nhất, thứ Sáu có ít HS đi xe nhất.b) 1HS điều khiển cả lớp cùng chơi.Ví dụ:Thứ Ba có bao nhiêu HS đi xe buýt đến trường?So sánh số HS đi xe buýt đến trường giữa thứ Năm và thứ Sáu.…+ Dựa vào bảng số liệu, có thể biết được tên của bảng, các số liệu, so sánh được các số liệu,…- Đọc YC bài và các số liệu.+ Tên bảng: Nhiệt độ vào lúc 10 giờ sáng của các ngày trong một tuần.+ Bảng số liệu cho biết: Các ngày trong tuần (từ thứ Hai đến Chủ nhật) và Nhiệt độ lúc 10 giờ sáng ở mỗi ngày.- Cá nhân: Thực hiện BT vào vở.- Nhóm 2: Đổi chéo vở - thống nhất đáp án.- Chia sẻ: Nêu kết quả của nhóm, góp ý, chia sẻ (nếu có).a) Ngày thứ Ba nhiệt độ là 21ºC.b) Ngày Chủ nhật nhiệt độ là 27ºC.c) Nhiệt độ cao nhất trong tuần là 28ºC.d) Nhiệt độ cao nhất trong tuần là 20ºC.HS xung phong trả lời cá nhân:+ Nhiệt độ mỗi ngày đều thay đổi.+ Nhiệt độ khác nhau giữa các ngày.+ Nhiệt độ càng cao ở cuối tuần.+ Bảng số liệu giúp so sánh nhiệt độ giữa các ngày.+ Bảng số liệu giúp dự đoán nhiệt độ của ngày tiếp theo. |
| **D. Hoạt động vận dụng** |
| **Bài 4**- Gọi HS nêu YC- Mời 2HS phân tích bài toán.+ Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?- HS tìm cách giải và trình bày vào bảng nhóm.Cá nhân - nhóm 2 – chia sẻ trước lớp qua hình thức quay mô hình.- GV nhận xét, chốt ý. **\*Củng cố - nhận xét** - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.- YCHS đọc và chuẩn bị trước Bài 4. Các số trong phạm vi 1 000 000. | - Đọc YC bài.- Cá nhân HS xung phong trả lời.+ Bài toán cho biết: An quay vòng quay một lần. Khi vòng quay dừng lại thì chiếc kim sẽ chỉ vào một ô đã tô màu. + Bài toán hỏi: Theo em, chiếc kim có những khả năng chỉ vào ô màu nào? - Cá nhân: Suy nghĩ tìm đáp án- Nhóm 2: Thống nhất đáp án.- Chia sẻ: Nêu kết quả của nhóm, góp ý, chia sẻ (nếu có). Thực hành với mô hình trên bảng.Chiếc kim có những khả năng chỉ vào ô màu đỏ, xanh, tím, vàng.- HS lắng nghe. |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

...............................................................................................................................